

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 503/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/8/2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG
Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hà

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Phó

2. Ông Tạ Công Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Ngân - Thư ký toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 445/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thanh P, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp VP, xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

- Bị đơn: Lê Thị Thu L, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp VP, xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn anh Trần Thanh P trình bày: Anh và chị Lê Thị Thu L tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không thể kéo dài cuộc sống chung nên anh yêu cầu Tòa giải quyết cho anh ly hôn với chị L.

Về con chung: có 02 con tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 13/12/1990, Trần Hoài N1, sinh ngày 24/6/1997. Hai con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có

* Bị đơn chị Lê Thị Thu L trình bày: Chị thống nhất thời gian tổ chức lễ cưới và thời gian chung sống như anh P trình bày, vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P đi nhậu về thường xuyên kiếm chuyện cự cãi với chị và không lo kinh tế gia đình nên chị rất buồn, vợ chồng sống không có hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không thể kéo dài cuộc sống chung nên chị đồng ý ly hôn với anh P

Về con chung: tôi thống nhất có 02 con như anh P trình bày, 02 con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, anh Trần Thanh P và chị Lê Thị Thu L thống nhất ly hôn, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung: thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xác định quan hệ tranh chấp: “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Xét thấy, anh Trần Thanh P và chị Lê Thị Thu L chung sống với nhau vào năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P không lo kinh tế cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay anh P yêu cầu được ly hôn với chị L, phía chị L cũng đồng ý ly hôn với anh P, tuy anh chị thuận tình ly hôn nhưng do anh chị sống chung mà không có đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ vào điều 53 Luật hôn nhân gia đình cần không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 13/12/1990 và Trần Hoài N1, sinh ngày 24/6/1997 đều đã trưởng thành, anh P, chị L không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Anh chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Và nợ chung: anh P, chị L khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh P phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh P.

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Trần Thanh P và chị Lê Thị Thu L là vợ chồng.

- Về án phí: Anh Trần Thanh P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai số 0002964 ngày 29/6/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Anh P đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án,

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang,;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Vĩnh Kim, CT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Phan Thị Kim Hà